

Số: *3397*/BC-UBND

Mường Kim, ngày *19* tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
06 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2026**
(Trình kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026-2031)

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-HĐND ngày 25/5/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về tổ chức kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ủy ban nhân dân xã Mường Kim báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 06 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, trọng tâm 06 tháng cuối năm 2026, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Mường Kim giai đoạn 2026 - 2030 tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 18/5/2026; đồng thời ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/5/2026 về Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo. Công tác phối hợp giữa UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các cơ quan, đơn vị và các bản được duy trì thường xuyên, để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu thực hiện

Công tác chỉ đạo được triển khai kịp thời, bám sát các Văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; định kỳ kiểm tra, đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Nhờ đó, các chương trình được triển khai đồng bộ, hiệu quả theo kế hoạch cấp trên giao, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân và hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

3. Việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, hướng dẫn triển khai thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời ban hành tổng số 36 văn bản, trong đó: 04 quyết định, 2 kế hoạch và 30 văn bản khác, để hướng dẫn, chỉ đạo điều hành và cụ thể hóa nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 trên địa bàn¹.

(Chi tiết theo phụ lục I kèm theo)

4. Công tác truyền thông, thông tin về các Chương trình MTQG

Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các Chương trình MTQG tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh bằng nhiều hình thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG đã tham mưu UBND xã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo liên quan thông qua các cuộc họp, hội nghị, giao ban, trang thông tin điện tử, fanpage của xã. Kết quả, đã tổ chức 129 buổi tuyên truyền với 11.700 lượt người tham gia, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của các Chương trình, nhất là Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua tuyên truyền, Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình như: Chỉnh trang nhà cửa, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, tham gia xây dựng hạ tầng nông thôn; vận động 04 bản đóng góp 29.784.000 đồng thực hiện dự án thu gom rác thải sinh hoạt².

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Tổng kế hoạch vốn bố trí năm 2026 là 255 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp. Đến ngày 15/6/2025 chưa thực hiện giải ngân; ước giải ngân đến trước ngày 15/7/2026 là 255 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch³.

2. Tổng nguồn vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026 là 660,862 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp. Giải ngân đến ngày 15/6/2026 là 509,834 đồng đạt 77,15% kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

¹ Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 1110/KH-UBND ngày 05/3/2026 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai năm 2026 trên địa bàn xã Mường Kim.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 2642/KH-UBND ngày 20/5/2026 về việc thực hiện công tác Giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Mường Kim năm 2026. Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 và Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về phân công cán bộ, công chức, viên chức hỗ trợ các hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2026.

- Ủy ban nhân dân xã Mường Kim đã chuyển nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 kéo dài sang năm 2026 tại Quyết định số 198/QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Mường Kim về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026.

² Bản Ngã Ba: 5.179.982 đồng, bản Chiềng Ban 1: 7.769.974 đồng, bản Nà É: 3.884.987 đồng, bản Nà Dân: 12.949.956 đồng.

³ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tiểu dự án 1 - Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Hỗ trợ giống vật nuôi để chuyển đổi cơ cấu vật nuôi có giá trị kinh tế cao, tổng kinh phí: 255 triệu đồng.

thiếu số và miền núi: Tổng nguồn kinh phí là 589,503 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; giải ngân đến ngày 15/6/2026 là 438,475 đồng, đạt 74,38% kế hoạch.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng nguồn kinh phí là 71,359 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; giải ngân đến 15/6/2026 là 71,359 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo phụ lục II, III kèm theo)

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

- Các nhiệm vụ thuộc Chương trình tiếp tục được quan tâm triển khai, tập trung vào giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bình đẳng giới, giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: Hệ thống đường giao thông nông thôn cơ bản bảo đảm kết nối; 100% bản có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; tỷ lệ trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt 100%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp đạt khoảng 99%; 91% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi và học sinh tiểu học trong độ tuổi đến trường đạt 100%; học sinh THCS đạt khoảng 97,5%; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,88%.

b) Kết quả thực hiện từng dự án thành phần của Chương trình

Tổng nguồn kinh phí được giao năm 2026 là 844,503 triệu đồng, trong đó:

*** Phân theo nguồn vốn:**

- Vốn sự nghiệp:

+ Tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ năm 2026 là 255 triệu đồng. Đến ngày 15/6/2025 chưa thực hiện giải ngân; do đang triển khai các bước chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ theo quy định; ước giải ngân đến trước ngày 15/7/2026 là 255 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch.

+ Nguồn vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026 là 589,503 triệu đồng từ

nguồn vốn sự nghiệp. Giải ngân đến ngày 15/6/2026 là 438,475 đồng, đạt 74,38% kế hoạch; ước giải ngân đến trước ngày 31/10/2026 là 589,503 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

*** Phân theo từng dự án:**

- Dự án 5: Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người vùng đồng bào dân tộc thiểu số tổng kinh phí: 82,262 triệu đồng, đến thời điểm 15/6/2026 giải ngân: 41,012 triệu đồng đạt 50% dự toán; ước thực hiện đến 30/6/2026 giải ngân 100% kế hoạch.

- Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 272,5 triệu đồng đến thời điểm 15/6/2026 giải ngân: 262,5 triệu đồng đạt 96,33% dự toán; còn lại 10 triệu đồng không thực hiện giải ngân, do không còn đối tượng thực hiện.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 187,090 triệu đồng, đến thời điểm 15/6/2026 giải ngân: 87,312 triệu đồng đạt 47% dự toán. Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục phấn đấu giải ngân đạt chỉ tiêu được giao trên cơ sở số lượng lao động thực tế đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của người lao động; bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chính sách, không để xảy ra tình trạng giải ngân sai quy định.

- Dự án 8: Thực hiện chương trình MTQG Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 47,651 triệu đồng đến thời điểm 15/6/2026 giải ngân 100% dự toán.

- Tiểu dự án 1 - Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Hỗ trợ giống vật nuôi để chuyển đổi cơ cấu vật nuôi có giá trị kinh tế cao, tổng kinh phí: 255 triệu đồng, đến thời điểm 15/6/2026 chưa thực hiện giải ngân; dự kiến hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch trước ngày 15/7/2026.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo, bao gồm:

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2025 chiếm 17,4%.
- Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ Trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%.

- Lực lượng lao động: 12.670 người; số lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên có bằng cấp, chứng chỉ: 4.405/12.670 người, đạt 34,77%.

- Tỷ lệ bản, khu dân cư có nhà văn hóa đạt 97,67%.

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số có thiết bị được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện từng dự án thành phần của Chương trình

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 2642/KH-UBND ngày 20/5/2026 về thực hiện công tác giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Mường Kim năm 2026; ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về phân công cán bộ, công chức, viên chức hỗ trợ các hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2026. Đồng thời, UBND xã đã ban hành văn bản đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã được phân công phụ trách bản quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp nắm chắc tình hình đời sống, thu nhập, việc làm, nguyên nhân nghèo, cận nghèo của từng hộ để có biện pháp hỗ trợ phù hợp, sát với điều kiện thực tế.

Theo kế hoạch, toàn xã dự kiến thoát 141/681 hộ, trong đó, dự kiến thoát hộ nghèo 78/469 hộ/32 bản, hộ cận nghèo thoát 63/212 hộ/22 bản.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an ninh trật tự và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

Đến thời điểm báo cáo, xã Mường Kim đạt 4/10 tiêu chí theo bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030, gồm: Tiêu chí số 1 về Quy hoạch; Tiêu chí số 4 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Tiêu chí số 7 về Khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Tiêu chí số 9 về Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công. Còn 6/10 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội; Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 5 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế; Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và an sinh xã hội; Tiêu chí số 8 về Môi trường và cảnh quan nông thôn; Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng. Năm 2026 phấn đấu đạt thêm tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội và tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, quốc phòng, đồng thời duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

(Chi tiết theo phụ lục IV kèm theo)

b) Kết quả thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

** Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá*

Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Kim đến năm 2045 đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 04/4/2026; UBND xã đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo quy định để các cơ quan, đơn vị, bản và Nhân dân biết, giám sát, thực hiện⁴. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, xã tiếp tục rà soát nhu cầu đầu tư, quản lý sử dụng đất, phát triển hạ tầng, tổ chức sản xuất và chỉnh trang khu dân cư, góp phần nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

** Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền*

Ủy ban nhân dân xã đã rà soát, tổng hợp và đề xuất nhu cầu nguồn vốn thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 gửi cấp có thẩm quyền xem xét, tổng hợp, phân bổ theo quy định; trong đó ưu tiên các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, nước sinh hoạt, nhà văn hóa, trường học, hạ tầng chuyển đổi số và các công trình phục vụ trực tiếp đời sống, sản xuất của Nhân dân.

** Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*

Số lượng sản phẩm được chứng nhận OCOP còn thời hạn là 4 sản phẩm (trong đó đều là sản phẩm 3 sao) của 4 chủ thể (mật ong Pha Mu, mật ong Khau Pùm, chè Tuyết san, gạo Tam Pòm).

Việc kiểm tra, nắm bắt tình hình các sản phẩm OCOP trên địa bàn: UBND xã thường xuyên tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình phát triển sản phẩm OCOP. Nội dung kiểm tra tập trung vào: Chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất, nhãn mác, bao bì, vệ sinh an toàn thực phẩm và tình hình tiêu thụ, tuyên truyền, vận động các chủ thể tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thêm sản phẩm mới.

Đánh giá công tác duy trì và phát triển sản phẩm OCOP sau khi được chứng nhận: Sau khi được chứng nhận OCOP, các chủ thể đã chú trọng hơn đến việc duy trì chất lượng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số sản phẩm bước đầu đã mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Hiện tại trên địa bàn xã Mường Kim không có điểm giới thiệu sản phẩm OCOP.

⁴ Thông báo số 1914/TB-UBND ngày 15/4/2026 của UBND xã Mường Kim về việc công bố công khai Quy hoạch chung xã Mường Kim tỉnh Lai Châu đến năm 2045.

** Nội dung thành phần số 04: Công tác giảm nghèo bền vững đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; lồng ghép hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, cải thiện nhà ở, nước sinh hoạt và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao thu nhập, đời sống của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới. Qua rà soát tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2025 là 17,4%. Năm 2026 dự kiến thoát 141/681 hộ, trong đó, dự kiến thoát hộ nghèo 78/469 hộ/32 bản, hộ cận nghèo thoát 63/212 hộ/22 bản.

** Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn*

- Chất lượng giáo dục ở các cấp học ổn định, hoàn thành cơ bản và duy trì vững chắc các nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp tục duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tiếp tục duy trì 12/12 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

- Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư xây dựng từng bước đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân, có 01/01 trạm Y tế xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (đạt 100%). Thường xuyên tổ chức truyền thông phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh BHYT, thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước trong khám, chữa bệnh đến cộng đồng. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 110,1% kế hoạch⁵; tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử đạt 75%, đạt 88,23% kế hoạch.

- Tổ chức triển khai chiến dịch tuyên truyền vận động, lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng chiếm 14,64%/14,73%, đạt 100,64% kế hoạch; suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 21,83%/21,93%, đạt 100,45% kế hoạch.

⁵ Số người tham gia bảo hiểm y tế 20.313/18.456 người, đạt 110,1% kế hoạch; số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc 779/605 người, đạt 129,12 % kế hoạch, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 79/191 người, đạt 38,22% kế hoạch, Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp 610/496 người, đạt 124,2% kế hoạch, Thực hiện rà soát, cập nhật dữ liệu cấp thẻ BHYT cho 20.213 người, trong đó: người đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 cho 12.253 người; hộ nghèo, hộ cận nghèo 2.200 người; đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội, tổng số: 1.899 người.

** Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn*

Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; duy trì hoạt động nhà văn hóa, khu thể thao bản, các đội văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ dân ca, dân vũ. Đồng thời, chú trọng bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, phong tục tập quán tốt đẹp, lễ hội, nghề truyền thống gắn với xây dựng nếp sống văn minh, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm trên địa bàn.

** Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.*

Tổng kinh phí kéo dài năm 2025 sang năm 2026 là 71,359 triệu đồng (trong đó: Ngân sách trung ương là 71,359 triệu đồng, ngân sách địa phương 0 đồng), nội dung thực hiện xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; kết quả thực hiện đã giải ngân là 71,359 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

** Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới*

- Đã tập trung cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, toàn xã cuối năm 2025 được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phát triển hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp nông thôn; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển hệ thống đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn bản, phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội được đảm bảo. Xã tạo điều kiện tốt nhất để phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu vay vốn từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn vốn tín dụng chính thức.

** Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới*

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã đã giữ vai trò nòng cốt trong quá trình tổ chức tuyên truyền, vận động, đoàn viên, hội viên, quần chúng và Nhân dân trên địa bàn xã tích cực tham gia cùng chính quyền xây dựng nông thôn mới bằng những việc làm cụ thể như tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường và tích cực thi đua lao động sản xuất để phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự...

** Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

Tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời xử lý các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở. Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an, Quân sự, UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

** Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới*

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, nhất là việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại xã đã được công nhận đạt chuẩn.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa

Kinh phí thực hiện: Xã được phân bổ 928 triệu đồng theo Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu. UBND xã đã trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2030 xem xét, quyết định phân bổ theo quy định.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy

Kinh phí thực hiện: Xã được phân bổ 650 triệu đồng theo Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu. UBND xã đã trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2030 xem xét, quyết định phân bổ theo quy định.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Cấp ủy, chính quyền xã đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia; trách nhiệm của các phòng, cơ quan, đơn vị, các bản từng bước được nâng lên; công tác phối hợp có chuyên biến tích cực.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được nâng cao; người dân tích cực tham gia các hoạt động chung của cộng đồng.

- Các nhiệm vụ về giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập được quan tâm thực hiện; một số nội dung giải ngân đạt tỷ lệ cao, góp phần thúc đẩy hoàn thành mục tiêu năm 2026.

- Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, phân công cán bộ phụ trách, hỗ trợ hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo được triển khai cụ thể, gắn trách nhiệm của cán bộ với từng hộ, từng bản.

2. Tồn tại, hạn chế

- Cảnh quan môi trường nông thôn ở một số bản chưa thật sự xanh, sạch, đẹp; ý thức tự giác của một bộ phận người dân trong bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Việc liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực quản lý, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nguồn lực đầu tư các Chương trình MTTQ còn thiếu so với nhu cầu.

3. Nguyên nhân

- Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động chưa sâu rộng, chưa tạo được chuyển biến rõ nét. Thiếu nguồn lực đầu tư cho chỉnh trang, cải tạo cảnh quan, xử lý rác thải.

- Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn còn nhỏ lẻ, manh mún; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, liên kết theo chuỗi giá trị chưa chặt chẽ; năng lực quản lý, quảng bá, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường của một số chủ thể còn hạn chế.

- Nguồn vốn năm 2026 để thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ để triển khai thực hiện; trong khi đó, nhiều tiêu chí nông thôn mới cần nguồn lực đầu tư lớn, nhất là hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường, cảnh quan nông thôn. Bên cạnh đó, đời sống Nhân dân còn khó khăn nên việc huy động nguồn lực, xã hội hóa còn khó khăn.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Nhiệm vụ chung

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

- Rà soát toàn bộ nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; xây dựng kế hoạch tiến độ chi tiết, xác định rõ việc, rõ người, rõ thời gian hoàn thành; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí nguồn lực.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phát triển sản xuất, học nghề, tạo việc làm, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS&MN

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026.

- Huy động đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình (*ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa, vốn đóng góp của người dân...*), bố trí vốn kịp thời để tổ chức thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, phát huy vai trò trách nhiệm quản lý nhà nước thuộc ngành lĩnh vực mình quản lý. Phát huy vai trò của người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị, đồng thời chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù.

- Tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tham gia giám sát phản biện xã hội, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của Chương trình.

3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch giảm nghèo đa chiều năm 2026; thường xuyên cập nhật biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có nguy cơ tái nghèo; kịp thời có giải pháp hỗ trợ phù hợp với từng hộ.

- Duy trì phân công cán bộ, công chức, viên chức phụ trách, hỗ trợ trực tiếp 78 hộ dự kiến thoát nghèo và 63 hộ dự kiến thoát cận nghèo; định kỳ đánh giá tiến độ, kết quả hỗ trợ, đề xuất giải pháp đối với các trường hợp khó thoát nghèo, cận nghèo.

- Lồng ghép hiệu quả các chính sách về tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt, y tế, giáo dục, bảo hiểm y tế, tiếp cận thông tin để giảm thiểu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Triển khai xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Năm 2026 thực hiện đạt 6/10 tiêu chí theo bộ tiêu chí mới⁶; còn 4/10 tiêu chí chưa đạt⁷.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới: Giao thông, thủy lợi, nước sạch, môi trường, thiết chế văn hóa, chuyển đổi số, phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP; hỗ trợ các chủ thể cải tiến mẫu mã, bao bì, vệ sinh an toàn thực phẩm, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ; khuyến khích phát triển sản phẩm mới phù hợp tiềm năng của xã.

- Tăng cường vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, chỉnh trang bản làng, trồng cây xanh dọc tuyến đường; vận động Nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

⁶ Tiêu chí số 1 về Quy hoạch; Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội; Tiêu chí số 4 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Tiêu chí số 7 về Khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Tiêu chí số 9 về Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công; Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng


⁷ Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 5 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế; Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và an sinh xã hội; Tiêu chí số 8 về Môi trường và cảnh quan nông thôn

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 06 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2026 của UBND xã Mường Kim, trình kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2031./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Trưởng bản các bản;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Nội

**CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH
ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số ~~3397~~ /BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Mường Kim)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Ghi chú
1	Quyết định	944/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã giai đoạn 2025-2030	
2	Quyết định	504/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	phân công cán bộ, công chức, viên chức hỗ trợ các hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2026	
3	Quyết định	417/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	Phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách xã hội không thuộc diện hộ nghèo quý I/2026 trên địa bàn xã Mường Kim	
4	Kế hoạch	Số 1110/KH-UBND ngày 05/3/2026	Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026 trên địa bàn xã Tà Hừa	
5	Kế hoạch	Số 2642/KH-UBND ngày 25/5/2026	Kế hoạch về thực hiện công tác giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Mường Kim năm 2026	
6	Báo Cáo	Số 1721/BC-UBND ngày 06/4/2026	V/v báo cáo kết quả thực hiện một số chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2025	
7	Báo Cáo	Số 1945/BC-UBND ngày 17/4/2026	Rà soát, đánh giá hiện trạng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, đề xuất nhu cầu vốn để thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2035	
8	Báo Cáo	Số 2270/BC-UBND ngày 06/5/2026	Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2025 trên địa bàn xã Mường Kim	
9	Báo Cáo	Số 2648/BC-UBND ngày 20/5/2026	Đánh giá hiện trạng và đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng công trình nước sạch nông thôn	
10	Công văn	Số 341/UBND-KT ngày 16/01/2026	V/v triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	
11	Công văn	Số 875/UBND-KT ngày 13/02/2026	V/v triển khai thực hiện Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	
12	Công văn	Số 1104/UBND-KT ngày 05/3/2026	V/v cung cấp danh sách công chức đầu mối phối hợp triển khai Hệ thống xây dựng, cập nhập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	
13	Quyết định	số 198/QĐ-UBND, ngày 09/3/2026	về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026	
14	Công văn	Số 1121/UBND-KT ngày 05/3/2026	V/v cung cấp biểu thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo để xây dựng cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã	
15	Công văn	Số 1253/UBND-KT ngày 16/3/2026	V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	
16	Công văn	Số 1448/UBND-KT ngày 25/3/2026	V/v thực hiện kinh phí đã chuyển nguồn thực hiện các Chương trình MTQG	
17	Công văn	Số 1676/UBND-KT ngày 03/4/2026	V/v triển khai thực hiện tiêu chí lao động qua đào tạo và bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Ghi chú
18	Công văn	Số 1905/UBND-KT ngày 15/4/2026	V/v triển khai thực hiện Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	
19	Công văn	Số 1918/UBND-KT ngày 16/4/2026	V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý NN của Bộ GD&ĐT	
20	Công văn	Số 2153/UBND-KT ngày 29/4/2026	V/v tham gia ý kiến vào dự thảo hồ sơ Nghị định hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài	
21	Công văn	Số 2217/UBND-KT ngày 05/5/2026	V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
22	Công văn	Số 2274/UBND-KT ngày 06/5/2026	V/v tham gia ý kiến dự thảo Công văn tăng cường công tác xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn tỉnh	
23	Công văn	Số 2349/UBND-KT ngày 08/5/2026	V/v tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	
24	Công văn	Số 2366/UBND-KT ngày 08/5/2026	V/v đăng ký sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng năm 2026	
25	Công văn	Số 2399/UBND-KT ngày 11/5/2026	V/v tham gia ý kiến Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
26	Công văn	Số 2560/UBND-KT ngày 14/5/2026	V/v tham gia đề xuất vào Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	
27	Công văn	Số 2533/UBND-KT ngày 15/5/2026	V/v rà soát thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng chính sách hộ nghèo năm 2024, 2025	
28	Công văn	Số 2646/UBND-KT ngày 20/5/2026	V/v triển khai thực hiện Thông tư số 32/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	
29	Công văn	Số 2655/UBND-KT ngày 21/5/2026	V/v triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước	
30	Công văn	Số 2744/UBND-KT ngày 25/5/2026	V/v tăng cường công tác quản lý đất đai, môi trường, lâm nghiệp trên địa bàn xã Mường Kim	
31	Công văn	Số 2882/UBND-KT ngày 29/5/2026	V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
32	Công văn	Số 2900/UBND-KT ngày 29/5/2026	V/v triển khai thực hiện Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
33	Công văn	Số 3076/UBND-KT ngày 08/6/2026	V/v tham gia ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Ghi chú
34	Công văn	Số 3107/UBND-KT ngày 08/6/2026	V/v triển khai thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 8017/BXD-KHTC ngày 29/5/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Hợp phần thứ nhất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (Chương trình)	
35	Công văn	Số 3108/UBND-KT ngày 08/6/2026	triển khai thực hiện Hướng dẫn số 02/HD-MTTW-BTT của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về hướng dẫn thực hiện nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	
36	Công văn	Số 3111/UBND-KT ngày 08/6/2026	V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030	

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 3397/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Mường Kim)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tình hình thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp kéo dài năm 2025 sang năm 2026															Tình hình thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2026															Ghi chú
		Kế hoạch vốn			Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 15/6/2026			Tỷ lệ giải ngân			Ước giải ngân đến hết năm 2026			Tỷ lệ giải ngân			Kế hoạch vốn			Giải ngân kế hoạch vốn năm 2026 đến 15/6/2026			Tỷ lệ giải ngân			Ước giải ngân đến hết năm 2026			Tỷ lệ giải ngân			
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	
TỔNG CỘNG		660,862	660,862	0	509,834	509,834	0	77,15	77,15	0	650,862	650,862	0	98	98	0	255	255	0	0	0	0	-	-	255	255	0	100,0	100,0	0		
A	Chương trình MTQG phát triển kinh tế -XH vùng ĐBDTTS và miền núi	589,503	589,503	0	438,475	438,475	0	74,38	74,38	0	579,503	579,503	0	98	98	0	255	255	0	0	0	0	0	0	0	255	255	0	200	200	0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																0					0			0							
II	Dự án 2 - Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết																0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị																0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
III.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																0		0			0	0		0							
IV	Dự án 4 - Tiểu dự án 1; Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn	0			0	0											0		0			0			0			100	100			
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	541,852	541,852	0	390,824	390,824	0	72,13	72,13	0	531,852	531,852	0	98	98	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
V.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	82,262	82,262	0	41,012	41,012	0	49,86	49,86	0	82,262	82,262	0	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Đổi mới hoạt động củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT trường phổ thông có HSBT																0		0			0		0		0						
	Mơ lớp xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	82,262	82,262		41,012	41,012		49,86	49,86		82,262	82,262		100	100		0		0			0		0		0		0	0			
V.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	272,50	272,50		262,500	262,500		96,33	96,33		262,50	262,50		96	96		0,0		0			0		0,0		0		0	0			
V.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	187,09	187,09	0,00	87,312	87,312	0,00	46,67	46,67	0,00	187,09	187,09	0,00	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Mở các lớp đào tạo nghề; Tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp học nghề; Kiểm tra, giám sát các lớp học nghề																0		0			0	0	0	0	0	0	0				

STT	Nội dung	Tình hình thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp kéo dài năm 2025 sang năm 2026															Tình hình thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2026															Ghi chú			
		Kế hoạch vốn			Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài đến 15/6/2026			Tỷ lệ giải ngân			Ước giải ngân đến hết năm 2026			Tỷ lệ giải ngân			Kế hoạch vốn			Giải ngân kế hoạch vốn năm 2026 đến 15/6/2026			Tỷ lệ giải ngân			Ước giải ngân đến hết năm 2026			Tỷ lệ giải ngân						
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
	Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và chi phí làm thủ tục đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	187,09	187,09		87,312	87,312		46,67	46,67		187	187		100	100		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch																																		
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em																																		
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	47,651	47,651		47,651	47,651		100,00	100,00		47,651	47,651		100	100		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù																255	255	0	0	0	0	0	255	255	0	100	100	0						
IX.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù																255	255					255	255		100	100								
IX.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																0	0					0	0											
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình																0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
X.1	Tiểu dự án 1																0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
X.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình																0	0					0	0		0	0							Chuyển nguồn 106tr đồng sang Dự án 4 theo QĐ số 1225/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND xã	
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	0	0	0	0	0	0,00	0,00	0	0	0	0	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	71,359	71,359	0	71,359	71,359	0	100,00	100,00	0	71,359	71,359	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0		

**TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026,
THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA XÃ NÔNG THÔN MỚI THEO DỰ THẢO BỘ TIÊU CHÍ MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Báo cáo số 3397/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Mường Kim)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả 06 tháng đầu năm 2026	Ghi chú
		Tổng		4/10	
1	Quy hoạch chung của xã được UBND cấp tỉnh phê	1.1. Có quy hoạch chung xã được phê duyệt phù hợp theo từng nhóm xã, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Đạt	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	K. Đạt	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Đạt	
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	99,82	
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Đạt	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	K. Đạt	
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	K. Đạt	Đạt	
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	Đạt	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Đạt	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	K. Đạt	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01 (trong đó điểm đánh giá hiệu quả của tổ khuyến nông cộng đồng đạt từ 60 điểm trở lên)	K. Đạt	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	5% K. Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả 06 tháng đầu năm 2026	Ghi chú
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	K. Đạt	
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	34,77 Đạt	
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	40% Đạt	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	K. Đạt	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	K. Đạt	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	K. Đạt	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤13%	17,4% K. Đạt	
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥80%	23,3% K. Đạt	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	50% Đạt	
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Không quy định	
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	Không quy định	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	54,22% K. Đạt	
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, phân bón	≥90%	20%	
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp, làng nghề (nếu có) đảm bảo theo quy hoạch (tách biệt khỏi khu dân cư) và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥50%	K. Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả 06 tháng đầu năm 2026	Ghi chú
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	K. Đạt	
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt (Công văn 1866/BTP-PLHSHC ngày 09/4/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý	
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	K. Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	